

-는 한

chứng nào còn, miễn là

Đặt ra một điều kiện phải được duy trì để phần còn lại vẫn đúng. 한 nghĩa là giới hạn — phạm vi mà trong đó câu nói có hiệu lực.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Động từ	-는 한	노력하다 → 노력하는 한
Phủ định	-지 않는 한	오다 → 오지 않는 한
있다 / 없다	-는 한	일이 없는 한
Kết thúc bằng ㄹ	ㄹ수록 ㄹ	만들다 → 만드는 한
Viết cách	한 là danh từ	노력하는 한
Tính từ	không thể dùng	좋은 한 không dùng được

Khi nào dùng

Gắn -는 vào gốc động từ rồi theo sau là 한. Gốc kết thúc bằng ㄹ bị lược ㄹ: 만들다 thành 만드는 한. 한 là danh từ và được viết cách.

Nó dùng với động từ, không dùng với tính từ, và dạng phủ định cực kỳ phổ biến: 특별한 일이 없는 한 (trừ khi có gì bất thường), 비가 오지 않는 한 (miễn là trời không mưa).

So với -(으)면, dạng này nhấn mạnh rằng điều kiện phải liên tục được duy trì. -(으)면 chỉ kích hoạt một lần; -는 한 kéo dài chừng nào tình huống còn tiếp diễn.

Nó thuộc về lời nói cẩn trọng và văn viết — hợp đồng, chính sách, lời hứa trang trọng.

Ví dụ trong câu

- 1 노력하는 한 기회는 반드시 옵니다.

Chứng nào bạn còn nỗ lực, cơ hội sẽ đến.
- 2 특별한 일이 없는 한 내일 뵙겠습니다.

Trừ khi có gì bất thường, mai gặp lại nhé.
- 3 비가 오지 않는 한 행사는 예정대로 진행됩니다.

Miễn là trời không mưa, sự kiện sẽ diễn ra như kế hoạch.
- 4 규칙을 지키는 한 아무 문제 없습니다.

Chứng nào bạn còn tuân thủ quy định thì hoàn toàn không có vấn đề gì.
- 5 직접 만드는 한 품질은 보장할 수 있어요.

Chứng nào chúng tôi còn tự làm, chúng tôi có thể đảm bảo chất lượng.
- 6 제가 아는 한 그런 계획은 없습니다.

Theo như tôi biết thì không có kế hoạch như vậy.

So sánh với

-(으)면
-(으)면 đặt điều kiện một lần; -는 한 đòi hỏi nó phải được duy trì liên tục. Dạng sau mạnh hơn và ràng buộc hơn.
노력하면 기회가 와요. (nếu bạn cố gắng) / 노력하는 한 기회가 옵니다. (chứng nào bạn còn cố gắng)

-는 동안
-는 동안 đánh dấu một khoảng thời gian; -는 한 đánh dấu một điều kiện. Một cái về độ dài thời gian, một cái về điều phải giữ nguyên.
제가 자는 동안 (trong lúc tôi ngủ) / 제가 아는 한 (theo như tôi biết)

제가 아는 한
Một cụm cố định nên học nguyên cụm: “theo như tôi biết”. Nó làm mềm một khẳng định mà không làm yếu đi nhiều.
제가 아는 한 / 제가 알기로는

Lưu ý

- ✗ 직접 만드는 한 품질을 보장할 수 있어요.

○ 직접 만드는 한 품질을 보장할 수 있어요.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bị lược ㄹ trước -는, như ở mọi chỗ trong hệ thống định ngữ.
- ✗ 날씨가 좋은 한 행사를 진행합니다.

○ 날씨가 나쁘지 않는 한 행사를 진행합니다.

Cấu trúc này dùng với động từ. Tính từ phải được diễn đạt lại, thường là dạng động từ phủ định.
- ✗ 비가 오지 않는 한 진행됩니다.

○ 비가 오지 않는 한 진행됩니다.

Điều kiện đang tiếp diễn, nên định ngữ là -는, không phải quá khứ -(으)ㄹ.